

Số: 233/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 27 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – QUẢNG NINH

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 223/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Hoàng Trung D**, sinh năm: 1987; nơi thường trú: thôn C, xã V, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: tổ G, khu G, phường V, tỉnh Quảng Ninh.

- Chị **Bùi Như X**, sinh năm: 1988; nơi thường trú: thôn C, xã V, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: tổ G, khu G, phường V, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh **Hoàng Trung D** và chị **Bùi Như X** chung sống với nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, thành phố Hải Phòng (nay là xã V, thành phố Hải Phòng) vào ngày 19/11/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, cả hai không tìm được tiếng nói chung, đến nay vợ chồng đã không còn tình cảm dành cho nhau. Không thể tiếp tục chung sống, anh **D** và chị **X** đã sống ly thân từ cuối năm 2025 cho đến nay, trong thời gian ly thân cả hai đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Anh **D1** và chị **X** đã nhiều lần tự giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải giúp vợ chồng hàn gắn nhưng cũng đều không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hạnh phúc, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa, nên anh **Hoàng Trung D** và chị **Bùi Như X** thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: anh **Hoàng Trung D** và chị **Bùi Như X** có một (một) con chung là **Hoàng Ngọc K**, sinh ngày 09/10/2012. Anh **D1** và chị **X** thống nhất: chị **Bùi Như X** là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung **Hoàng Ngọc K** đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh **Dũng** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: anh **D1** và chị **X** thỏa thuận: anh **D1** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng/tháng) kể từ tháng 05 năm 2026 đến khi con chung thành niên.

[3] Về tài sản chung: anh **Hoàng Trung D** và chị **Bùi Như X** thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về khoản nợ chung: anh **Hoàng Trung D** và chị **Bùi Như X** thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: anh **Hoàng Trung D** và chị **Bùi Như X** thống nhất thỏa thuận: anh **Hoàng Trung D** tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh **Hoàng Trung D** và chị **Bùi Như X** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: anh **Hoàng Trung D** và chị **Bùi Như X** có 01 (một) con chung là **Hoàng Ngọc K**, sinh ngày 09/10/2012. Khi ly hôn, chị **Bùi Như X** là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung **Hoàng Ngọc K** đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh **Dũng** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: anh **Hoàng Trung D** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng: từ tháng 05 năm 2026 đến khi con chung thành niên.

- Về tài sản chung: anh **Hoàng Trung D** và chị **Bùi Như X** thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các khoản nợ chung: anh **Hoàng Trung D** và chị **Bùi Như X** thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: anh **Hoàng Trung D** tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001848 ngày 04/5/2026 của Thi

hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. **Anh D1** đã nộp đủ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 1 – Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND xã Vĩnh Am, TP Hải Phòng;
- Lưu VP, HSVA.

THẨM PHÁN

Lương Thanh Thuý